TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/KDTM-ST
Ngày: 20/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN,TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính
Ông Phạm Ngọc Đông

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Trúc Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Phúc- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 24/4/2019giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*: Công ty cổ phần E**
Địa chỉ: Số 2 Tôn Thất T, phường Trung T quận Đ, Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H - TGĐ
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thành N – SN 1991 là cán bộ phòng kinh doanh

* ***Bị đơn:*** Công ty TNHH bệnh viện Thu P
Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Việt Â – Giám đốc
(Trước đây là công ty TNHH bệnh viện đa khoa A)
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H (chết ngày 25/02/2018)
Địa chỉ: 418-420 Nguyễn Thái H, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

**** Những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của bà Hiệp:***
Ông Võ Tống V, sinh năm 1954
Ông Võ Việt Â, sinh năm 1982
Anh Võ Viết A, sinh năm 1987

Chị Võ Vân A, sinh năm 1996
(Chồng và các con của bà H)
Cùng cư trú tại: 418 - 420 Nguyễn Thái H, TP.Quy Nhơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2016 của công ty cổ phần E và cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần E anh Dương Thành N trình bày:*

Ngày 16/5/2010 công ty cổ phần E có ký hợp đồng mua bán số 10209/920522/DA với công ty TNHH Bệnh viện Thu P (trước đây là công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A) về việc cung cấp cửa sổ, cửa đi và vách ngăn bằng vật liệu PUC cho phòng khám đa khoa, địa chỉ: 420 Nguyễn Thái H, TP. Quy Nhơn số lượng của đi 53 bộ (tương đương 244,53m^2), số lượng cửa sổ 64 bộ. Tổng giá trị hợp đồng phải thanh toán trước thuế là 950.594.594đ, tổng giá trị hợp đồng phải thanh toán sau thuế là 1.087.322.804đ. Quá trình thực hiện hợp đồng đã ký, công ty CP E đã hoàn thành nghĩa vụ cam kết tiến hành cung cấp hàng hóa, thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, chất lượng theo quy định. Ngày 20/12/2010 hai bên ký biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán công trình và đưa vào sử dụng. Công ty TNHH bệnh viện Thu P đã thanh toán 784.000.000đ, số tiền còn lại Công ty TNHH bệnh viện Thu P Phúc (trước đây là công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A) phải thanh toán là 303.322.804đ. Mặc dù công ty cổ phần E đã nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như đôn đốc bằng văn bản nhưng Công ty TNHH bệnh viện Thu P vẫn không hợp tác nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, công ty CP E yêu cầu Tòa án buộc công ty TNHH bệnh viện Thu P (trước đây là công ty TNHH bệnh viện đa khoa A) phải thanh toán số tiền nợ gốc 303.322.804đ và tiền lãi của số tiền nợ gốc do chậm thanh toán tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2010 cho đến ngày xét xử theo hợp đồng mua bán hai bên thỏa thuận.

* Bị đơn Công ty TNHH bệnh viện Thu P (trước đây là công ty TNHH bệnh viện đa khoa A)– người đại diện theo pháp luật là ông Võ Việt Â –giám đốc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty TNHH bệnh viện đa khoa A do bà Nguyễn Thị H –giám đốc trình bày: công ty TNHH bệnh viện đa khoa A xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A và công ty Cổ phần E, đồng thời công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A cũng xác nhận khoản nợ gốc mà hai bên công ty đã lập biên bản xác nhận công nợ vào ngày 06/8/2013. Tổng số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng 403.322.804 đồng, ngày 31/12/2013 công ty đã thanh toán cho công ty CP E 100.000.000 đồng. Công ty TNHH bệnh viện đa khoa A còn nợ 303.322.804. Hiện nay công ty TNHH bệnh viện đa khoa A đang gặp khó khăn nên xin trả dần: Ngày 31/12/2017 trả 100.000.000 đồng,

ngày 31/12/2018 trả 100.000.000 triệu đồng, ngày 31/12/2019 trả xong số tiền còn lại còn tiền lãi xin không thanh toán.

* Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn THị H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự. trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng. Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký phiên tòa: HĐXX và thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn và những người kế thừa quyền lợi và đã nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng mua bán là 303.322.804đồng và tính lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Việt Â – giám đốc công ty TNHH bệnh viện Thu P (trước đây là công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 4100614963 (đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 24 tháng 4 năm 2018) là đại diện theo pháp luật của công ty, những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của bà Hiệp: Ông Võ Tống V, anh Võ Việt Â, anh Võ Viết A, chị Võ Vân A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

Theo đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng, HĐXX xét thấy hợp đồng về việc cung cấp cửa sổ, cửa đi và vách ngăn bằng vật liệu PUC được ký kết giữa

công ty cổ phần E và công ty TNHH bệnh viện Thu P (trước đây là công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A) phát sinh trong hoạt động kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp mua bán hàng hóa"

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc của hợp đồng mua bán số 10209/920522/DA ngày 16/5/2010. Ngày 16/5/2010 công ty cổ phần E và công ty TNHH bệnh viện Thu P (trước đây là công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A) có ký hợp đồng mua bán số 10209/920522/DA về việc cung cấp cửa sổ, cửa đi và vách ngăn bằng vật liệu PUC cho phòng khám đa khoa, địa chỉ: 420 Nguyễn Thái H, TP. Quy Nhơn số lượng của đi 53 bộ (tương đương 244,53m^2), số lượng của sổ 64 bộ. Tổng giá trị hợp đồng phải thanh toán trước thuế là 950.594.594đ, tổng giá trị hợp đồng phải thanh toán sau thuế là 1.087.322.804đ. Quá trình thực hiện hợp đồng đã ký, công ty CP E đã hoàn thành nghĩa vụ cam kết tiến hành cung cấp hàng hóa, thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, chất lượng theo quy định. Ngày 20/12/2010 hai bên ký biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán công trình và đưa vào sử dụng. Công ty TNHH bệnh viện Thu P đã thanh toán 784.000.000đ, số tiền còn lại Công ty TNHH bệnh viện Thu P phải thanh toán là 303.322.804đ.

[2] Về phía bị đơn công ty TNHH bệnh viện Thu P (trước đây là Công ty TNHH bệnh viện đa khoa A) xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng mua bán giữa công ty cổ phần E và công ty, đồng thời cũng xác nhận khoản nợ gốc mà hai bên đã xác nhận vào ngày 06/8/2013, tổng số tiền còn lại phải thanh toán 403.322.803đ. Ngày 31/12/2013 công ty TNHH bệnh viện đa khoa A đã thanh toán cho ông ty Cp E 100.000.000 đồng, công ty còn nợ 303.322.804 đồng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc công ty TNHH bệnh viện đa khoa A phải thanh toán khoản nợ gốc của hợp đồng số 10209/920522/DA Ngày 16/5/2010 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán đối với khoản nợ gốc 303.322.804đ và tiền lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng hai bên thỏa thuận.

Theo quy định tại khoản 2.3 điều 2 của hợp đồng thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa Bên A phải thanh toán giá trị còn lại cho Bên B. Tuy nhiên công ty TNHH Bệnh viện đa khoa A không thực hiện theo cam kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 30/12/2010, HĐXX thấy đề nghị của nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi đối với khoản tiền chậm thanh toán của bị đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Đối với tiền lãi do chậm thanh toán thì theo quy định tại điều 306 Luật thương mại thì công ty TNHH bệnh viện Thu P phải chịu tiền lãi trên số tiền

chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm) tương ứng với thời gian chậm trả. Tại công văn số 179/BC-CBBĐI-TH ngày 06/5/2019 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Bình Định cung cấp lãi suất cho vay quá hạn là 15,75%/năm; công văn số 217/TB-BĐI.KHDN ngày 13/5/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Bình Định cung cấp lãi suất cho vay quá hạn là 13,5%/năm và công văn số 96/NHNo.BĐ-PC.m ngày 07/5/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Bình Định cung cấp lãi suất cho vay quá hạn là 15,75%/năm.

Như vậy lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm) là: (15,75+13,5+15,75) : 3= 15%/năm (1,25%/tháng)

Vậy tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 30/12/2010 đến ngày 20/5/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

303.322.804 đồng x 1,25% x 100 tháng 20 ngày = 381.681.195 đồng

Vậy công ty TNHH Bệnh viện Thu P có trách nhiệm phải trả cho công ty cổ phần E tổng cộng cả gốc và lãi là: 685.003.999 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm triệu không trăm lẻ ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

[4] Đối với ý kiến của bị đơn xin trả dần làm 03 đợt (Ngày 31/12/2017 trả 100.000.000 đồng, ngày 31/12/2018 trả 100.000.000 triệu đồng, ngày 31/12/2019 trả xong số tiền còn lại còn tiền lãi xin không thanh toán) không được nguyên đơn đồng ý nên HĐXX cũng không chấp nhận.

[5] Đề nghị của Đại diện VKS nhân dân TP. Quy Nhơn: phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Do vậy bị đơn công ty TNHH bệnh viện Thu P chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 24, 50, 54, 55, 306 Luật Thương mại

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần E.

2. Buộc công ty TNHH bệnh viện Thu P có nghĩa vụ thanh toán cho công ty cổ phần E số tiền gốc là 303.322.804 đồng và lãi suất quá hạn do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 381.681.195 đồng. Tổng cộng là

685.003.999 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm triệu không trăm lẻ ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Bác lời nại của công ty TNHH bệnh viện Thu P xin trả làm 03 đợt.

Kể từ ngày công ty cổ phần E có đơn yêu cầu thi hành án mà công ty TNHH Bệnh viện Thu P chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: công ty TNHH Bệnh viện Thu P phải chịu 31.400.160 đồng (Ba mươi mốt triệu bốn trăm nghìn một trăm sáu mươi đồng)

Hoàn lại cho công ty cổ phần E 15.721.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004634 ngày 27/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSNDTP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Thị Xuân Hương